TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Hải

2. Bà Nông Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Xuân H - sinh năm 1989;

Trú tại: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn L - sinh năm 1986;

Trú tại: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09/8/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn L kết hôn vào tháng 02/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tiến hành tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, kê khai đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Khi kết hôn bà đang là sinh viên của trường Cao đẳng sư phạm T, còn ông L là lái xe.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do

ông L sử dụng ma túy. Bà đã được trực tiếp chứng kiến ông L sử dụng ma túy 03 lần (lần đầu vào năm 2013, lần thứ hai vào năm 2015, lần thứ ba vào khoảng tháng 3, 4 năm 2019). Sau khi phát hiện ông L sử dụng ma túy, bà và gia đình đã giúp đỡ ông L cai nghiện tại gia đình, tuy nhiên không thành. Quá trình mâu thuẫn hai vợ chồng có xảy ra cãi cọ nhưng không có xô xát. Thời gian mâu thuẫn này bà có về lại nhà mẹ đẻ. Năm 2015, bà đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tuy nhiên gia đình hai bên đã hòa giải và bà rút đơn, hai vợ chồng quay lại chung sống. Đến năm 2017 mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng nhiều và trở nên trầm trọng hơn. Gia đình hai bên đã góp ý, khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Hai vợ chồng mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng hai bên đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có hai người con chung là Phan Trịnh Thảo V, sinh ngày 13/4/2012 và Phan Thảo N, sinh ngày 08/8/2017. Trong trường hợp ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cháu Phan Trịnh Thảo V; còn cháu Phan Thảo N sẽ do ông L nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại, bà đang là tổng đài viên cho công ty D (kinh doanh xe khách) với thu nhập 5.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, bà còn có thu thập từ việc cho thuê trang phục biểu diễn và trang điểm (6.000.000 đồng/tháng). Hai vợ chồng bà hiện sống riêng tại ngôi nhà mang tên bố mẹ chồng bà. Sau khi ly hôn bà sẽ thuê nhà trọ của bạn để hai mẹ con sinh sống. Từ khi sinh hai con chung, bà đều là người trực tiếp chăm sóc các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và thời gian kết hôn như bà H trình bày là chính xác, ông không bổ sung gì thêm. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do ông sử dụng ma túy. Ngoài nguyên nhân này ra giữa hai vợ chồng không còn nguyên nhân nào khác. Ông đã sử dụng ma túy từ năm 2014 nhưng ông thỉnh thoảng mới sử dụng. Ông chưa cai nghiện lần nào. Hai vợ chồng ông vẫn sống chung nhà, tuy nhiên việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai nữa. Sau khi bà H nộp đơn xin ly hôn hai vợ chồng đã nói chuyện nhưng mâu thuẫn không được giải quyết. Ngoài việc nói chuyện giữa hai vợ chồng ông còn đi kiểm tra ma túy để chứng minh cho bà H thấy ông không còn sử dụng ma túy. Lần cuối cùng cách đây 03 tháng ông đã kiểm tra bằng que thử và kết quả âm tính với ma túy. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và ông không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung như bà H trình bày là chính xác. Ông cũng nhất trí với ý kiến của bà H về việc nuôi con chung, cụ thể cháu Phan Trịnh Thảo V sẽ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; còn cháu Phan Thảo N sẽ do ông trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện kinh tế: Trước đây ông có cổ phần tại Công ty cổ phần T với thu nhập từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng. Hiện tại ông đã rút cổ phần tại đó và đầu tư vào việc kinh doanh nhà nghỉ nhưng công việc này sẽ được triển khai vào năm tới. Thu nhập hiện tại của ông đảm bảo cuộc sống của bản thân và con với mức thu nhập 5.000.000 đồng/tháng. Số tiền 5.000.000 đồng này gồm 2.500.000 đồng tiền bảo hiểm trợ cấp thất nghiệp của Bảo hiểm xã hội thành phố và tiền lãi của khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T, tỉnh Cao Bằng. Ngôi nhà hiện tại hai vợ chồng ông đang ở đứng tên bố mẹ ông và hai vợ chồng sống riêng, không sống chung với bố mẹ ông.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Phan Trịnh Thảo V, là con chung của bà Trịnh Xuân H và ông Phan Văn L. Cháu V xác định trong quá trình chung sống bố mẹ đều quan tâm, nuôi dưỡng và chăm sóc cháu nhưng mẹ là người quan tâm cháu nhiều hơn. Trong trường hợp bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình bày: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, 273 và khoản 5 Điều 27 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trịnh Xuân H được ly hôn với ông Phan Văn L.

Về con chung: Tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất, thỏa thuận cháu Phan Trịnh Thảo V sẽ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; còn cháu Phan Thảo N sẽ do ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận này của hai bên đương sự không thể chấp nhận bởi về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi sẽ giao cho mẹ chăm sóc. Do đó, cần giao con chung Phan Trịnh Thảo V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung Phan Thảo N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Bà Trịnh Xuân H viết đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với ông Phan Văn L (Trú tại: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Xuân Hkết hôn với ông Phan Văn Lnăm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Xuân H và ông Phan Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hai bên đương sự đều xác nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do ông L sử dụng ma túy, ngoài nguyên nhân này không có nguyên nhân nào khác. Mặc dù hai vợ chồng vẫn sống chung cùng một nhà nhưng việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Ông L xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà H và muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ nhưng ông không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trịnh Xuân H và ông Phan Văn L có 02 con chung là Phan Trịnh Thảo V (Giới tính: nữ), sinh ngày: 13/4/2012 và Phan Thảo N (Giới tính: nữ), sinh ngày: 08/8/2017. Tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất, thỏa thuận cháu Phan Trịnh Thảo V sẽ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; còn cháu Phan Thảo N sẽ do ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2019 cháu V có nguyện vọng được ở với bà H khi bố mẹ ly hôn, tuy nhiên hiện nay cháu N vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Để san sẻ trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho bà H, ông L mỗi người nuôi một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung sẽ ổn định hơn về tư tưởng, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của

hai cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phan Trịnh Thảo V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phan Thảo N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Trịnh Xuân H được ly hôn với ông Phan Văn L.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Phan Trịnh Thảo V (Giới tính: nữ), sinh ngày: 13/4/2012 cho ông Phan Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao cháu Phan Thảo N (Giới tính: nữ), sinh ngày: 08/8/2017 cho bà Trịnh Xuân H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Trịnh Xuân H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Trịnh Xuân H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000544 ngày 03/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Bà Trịnh Xuân H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quỳnh Mai